

KẾ HOẠCH
Cải cách hành chính giai đoạn 2026 - 2030 của Sở Xây dựng

Thực hiện Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính (CCHC) giai đoạn 2026-2030. Sở Xây dựng ban hành Kế hoạch cải cách hành chính (CCHC) giai đoạn 2026-2030 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tiếp tục đẩy mạnh triển khai công tác cải cách hành chính, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn II (2026-2030) và Kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030.

b) Kịp thời khắc phục triệt để các tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện CCHC giai đoạn 2021-2025; nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát nhiệm vụ cải cách hành chính trong toàn Sở.

c) Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu; tăng cường sự phối hợp giữa các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở; đổi mới phương thức làm việc, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong các lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của Sở Xây dựng.

d) Góp phần cải thiện chất lượng phục vụ người dân, tổ chức và doanh nghiệp; nâng cao mức độ hài lòng đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước; đóng góp tích cực vào việc cải thiện các chỉ số cải cách hành chính, năng lực cạnh tranh, chuyển đổi số và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Gia Lai đến năm 2030.

2. Yêu cầu

a) Việc triển khai cải cách hành chính phải bám sát chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, điều kiện thực tiễn của Sở Xây dựng; bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm, rõ nhiệm vụ, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ sản phẩm và rõ kết quả thực hiện.

b) Phát huy vai trò nêu gương, trách nhiệm của người đứng đầu các phòng, đơn vị trực thuộc Sở trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; gắn kết quả thực hiện cải cách hành chính với đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, viên chức, người lao động và công tác thi đua, khen thưởng hằng năm.

c) Cải cách hành chính phải gắn với siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; đổi mới lề lối làm việc; nâng cao đạo đức công vụ, văn hóa công sở; lấy sự hài lòng của người dân, tổ chức và doanh nghiệp làm thước đo chất lượng phục vụ.

d) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, số hóa hồ sơ, tái sử dụng dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính; từng bước hình thành phương

thức quản trị hiện đại, minh bạch, hiệu quả, phục vụ tốt hơn công tác quản lý nhà nước của ngành xây dựng.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính

1.1. Mục tiêu

a) Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai toàn diện 06 nội dung trọng tâm của cải cách hành chính, gồm: cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công và chuyển đổi số.

b) Nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính; phân đầu cải thiện thực chất các chỉ số có liên quan như: chỉ số CCHC (PAR Index), chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và chỉ số Chuyển đổi số của tỉnh (DTI); phân đầu Sở Xây dựng nằm trong nhóm cơ quan, đơn vị có kết quả CCHC tốt của tỉnh.

1.2. Nhiệm vụ, giải pháp

a) Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; xác định cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, xuyên suốt trong hoạt động của Sở và từng phòng, đơn vị trực thuộc.

b) Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi công vụ; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, trách nhiệm của công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

c) Gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính với công tác đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, viên chức, người lao động và công tác thi đua, khen thưởng hằng năm.

d) Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính bằng các hình thức phù hợp, bảo đảm công chức, viên chức, người lao động, người dân và doanh nghiệp hiểu đúng, đồng thuận và tích cực tham gia thực hiện.

đ) Bố trí, sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính, nhân lực phục vụ công tác cải cách hành chính; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ tham mưu, theo dõi, triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính.

2. Cải cách thể chế

2.1. Mục tiêu

a) Tham mưu hoàn thiện hệ thống văn bản thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở Xây dựng, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, khả thi, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và yêu cầu quản lý trong giai đoạn mới.

b) Bảo đảm 100% văn bản quy phạm pháp luật do Sở tham mưu trình Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành được xây dựng đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, tiến độ và chất lượng theo quy định.

c) Thực hiện rà soát, kiểm tra, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực ngành xây dựng; kịp thời phát hiện, đề xuất xử lý các quy định mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp hoặc chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

d) Thực hiện tiếp nhận và xử lý kịp thời, đúng quy định đối với 100% phản ánh, kiến nghị về VBQPPL.

2.2 Nhiệm vụ, giải pháp

a) Thường xuyên rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực được giao quản lý; chủ động đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản bảo đảm phù hợp quy định của Trung ương và tình hình thực tế của địa phương.

b) Thực hiện nghiêm trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; nâng cao chất lượng công tác tham mưu, thẩm định, lấy ý kiến, tiếp thu, giải trình trong quá trình xây dựng văn bản.

c) Tăng cường theo dõi thi hành pháp luật, tiếp nhận và xử lý kịp thời phản ánh, kiến nghị liên quan đến văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực ngành xây dựng.

d) Xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật trong hoạt động công vụ; bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật là nguyên tắc xuyên suốt trong hoạt động quản lý nhà nước của Sở.

3. Cải cách thủ tục hành chính

3.1. Mục tiêu

a) Tiếp tục cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thời gian giải quyết và chi phí tuân thủ đối với các thủ tục liên quan đến người dân, tổ chức, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Sở.

b) Đẩy mạnh thực hiện nguyên tắc người dân, doanh nghiệp chỉ cung cấp thông tin một lần; tăng cường khai thác, tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính.

c) Nâng cao chất lượng tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính; phấn đấu mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với việc giải quyết thủ tục hành chính đạt từ 97% trở lên.

3.2. Nhiệm vụ, giải pháp

a) Triển khai hiệu quả việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu theo chỉ đạo của Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương và của tỉnh.

b) Thường xuyên rà soát, đề xuất loại bỏ các thủ tục rườm rà, không cần thiết, chồng chéo; kịp thời tham mưu công bố, công khai đầy đủ thủ tục hành chính và thủ tục hành chính nội bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở.

c) Đẩy mạnh tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; tăng tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến, số hóa hồ sơ, cấp kết quả điện tử và tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa.

d) Tăng cường giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính; tạo thuận lợi tối đa cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp trong tiếp cận và thực hiện thủ tục hành chính.

e) Quy định rõ trách nhiệm của từng phòng, đơn vị, cá nhân trong xử lý hồ sơ; kịp thời chấn chỉnh, xử lý trách nhiệm đối với trường hợp để xảy ra hồ sơ quá hạn, chậm muộn hoặc gây phiền hà trong giải quyết thủ tục hành chính.

đ) Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến và các tiện ích số trong thực hiện thủ tục hành chính.

4. Cải cách tổ chức bộ máy

4.1. Mục tiêu

a) Tiếp tục rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy của Sở theo hướng tinh gọn, rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu quản lý nhà nước trong tình hình mới.

b) Thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức theo vị trí việc làm, bảo đảm số lượng, chất lượng và cơ cấu hợp lý.

c) Nâng cao chất lượng phục vụ của Sở Xây dựng; phấn đấu mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của Sở đạt tối thiểu 95%.

4.2. Nhiệm vụ, giải pháp

a) Tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở trên cơ sở Đề án vị trí việc làm được cấp thẩm quyền phê duyệt và các quy định mới liên quan đến chức năng, nhiệm vụ về công tác sắp xếp, phân công công chức cho phù hợp theo quy định.

b) Thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện quyền tự chủ của các đơn vị trực thuộc, đồng thời đề cao vai trò chủ động, tinh thần trách nhiệm của lãnh đạo đơn vị theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

c) Tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được phân cấp, ủy quyền; bảo đảm gắn quyền hạn với trách nhiệm, phát huy tính chủ động của các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở.

5. Cải cách chế độ công vụ

5.1. Mục tiêu

a) Xây dựng đội ngũ công chức, viên chức của Sở Xây dựng có phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị, năng lực chuyên môn, tinh thần trách nhiệm, tác phong chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

b) Bảo đảm 100% công chức, viên chức đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, chức vụ, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định.

c) Tăng cường kiểm tra công vụ hằng năm đối với các phòng, đơn vị trực thuộc Sở, góp phần nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính và chất lượng thực thi công vụ.

5.2. Nhiệm vụ, giải pháp

a) Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao đạo đức công vụ, văn hóa công sở, tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ người dân, doanh nghiệp.

b) Đổi mới công tác đánh giá, xếp loại công chức, viên chức theo hướng lấy kết quả, sản phẩm công việc cụ thể làm thước đo; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong đánh giá, bố trí, sử dụng cán bộ.

c) Thực hiện nghiêm các quy định về tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, đúng tiêu chuẩn, điều kiện và quy trình.

d) Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng số, kỹ năng tham mưu, kỹ năng phục vụ người dân, doanh nghiệp và năng lực làm việc trong môi trường số.

đ) Rà soát, hoàn thiện vị trí việc làm; bố trí, sử dụng biên chế phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng phòng, đơn vị, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và nâng cao hiệu quả hoạt động của Sở.

6. Cải cách tài chính công

6.1. Mục tiêu

a) Quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước được giao bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, gắn với nhiệm vụ, sản phẩm đầu ra và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị.

b) Nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở; sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính để nâng cao chất lượng hoạt động và phục vụ tốt hơn nhiệm vụ quản lý nhà nước của ngành.

6.2. Nhiệm vụ, giải pháp

a) Tổ chức thực hiện hiệu quả các quy định về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính và tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Xây dựng, hoàn thiện phương án tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở phù hợp với quy định của pháp luật.

c) Rà soát, tham mưu ban hành hoặc điều chỉnh danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực quản lý của ngành xây dựng.

d) Chủ động rà soát, đề xuất kinh phí phục vụ cải cách hành chính, số hóa tài liệu, đầu tư trang thiết bị, cải tạo cơ sở vật chất, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin và các điều kiện cần thiết đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

7. Công tác chuyển đổi số

7.1. Mục tiêu

a) Đổi mới phương thức quản lý, chỉ đạo, điều hành trên nền tảng số; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong các lĩnh vực xây dựng, quy hoạch, phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật, giao thông vận tải, nhà ở và thị trường bất động sản.

b) Tập trung hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin, các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu chuyên ngành; đẩy mạnh tạo lập, chuẩn hóa, cập nhật, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu số, bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống”, phục vụ liên thông với cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, Bộ Xây dựng và các cơ sở dữ liệu quốc gia có liên quan.

c) Ưu tiên hoàn thiện các cơ sở dữ liệu về hoạt động xây dựng, phát triển đô thị, kết cấu hạ tầng đường bộ, nhà ở và thị trường bất động sản, cấp nước sạch,

thoát nước đô thị, vận tải, giấy phép xây dựng, đăng kiểm phương tiện, dữ liệu quy hoạch, GIS/WebGIS và dữ liệu định danh địa điểm, đánh số, gắn biển số nhà; phục vụ quản lý đô thị thông minh, cải cách hành chính và chuyển đổi số ngành xây dựng.

d) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, IoT, BIM, Dashboard, GIS/WebGIS và các giải pháp công nghệ phù hợp trong công tác tham mưu, quản lý, giám sát, dự báo, tổng hợp báo cáo và quản lý vòng đời công trình.

e) Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến; tăng cường số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, thanh toán trực tuyến, cấp kết quả điện tử và khai thác, sử dụng lại dữ liệu đã được số hóa; góp phần cắt giảm giấy tờ, rút ngắn thời gian xử lý, giảm chi phí tuân thủ, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, tổ chức và doanh nghiệp.

đ) Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ bí mật nhà nước trong quá trình quản lý, vận hành, khai thác các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của Sở; đồng thời nâng cao kỹ năng số, nhận thức số và trách nhiệm của công chức, viên chức, người lao động, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của tỉnh và của ngành xây dựng trong giai đoạn mới.

7.2. Nhiệm vụ, giải pháp

a) Tiếp tục rà soát, đề xuất đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, trang thiết bị, hệ thống mạng, phần mềm và các nền tảng số của Sở theo hướng hiện đại, đồng bộ, an toàn, đáp ứng yêu cầu xử lý, lưu trữ, kết nối, chia sẻ dữ liệu chuyên ngành; đồng thời duy trì, khai thác hiệu quả các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh, Bộ Xây dựng và các hệ thống chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của Sở.

b) Đẩy mạnh tạo lập, chuẩn hóa, cập nhật, kết nối và chia sẻ dữ liệu trên các hệ thống chuyên ngành, bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống”; trong đó tập trung hoàn thiện cơ sở dữ liệu về hoạt động xây dựng, phát triển đô thị, kết cấu hạ tầng đường bộ, nhà ở và thị trường bất động sản, cấp nước sạch, thoát nước đô thị, vận tải, giấy phép xây dựng, đăng kiểm phương tiện, dữ liệu quy hoạch, GIS/WebGIS và dữ liệu định danh địa điểm, đánh số, gắn biển số nhà.

c) Tăng cường rà soát danh mục dữ liệu mở, dữ liệu chủ, dữ liệu gốc, dữ liệu tham chiếu thuộc phạm vi quản lý của Sở; từng bước cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn theo yêu cầu của tỉnh, đồng thời phối hợp với các sở, ngành, địa phương và Bộ Xây dựng trong việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành với cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh và các cơ sở dữ liệu quốc gia có liên quan.

d) Duy trì, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở; tăng tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến, số hóa hồ sơ, cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử và khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa; qua đó góp phần cắt giảm thành phần hồ sơ giấy, rút ngắn thời gian xử lý, giảm chi phí tuân thủ, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức và doanh nghiệp.

e) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý quy hoạch, phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, nhà ở, thị trường bất động sản và quản lý vòng đời công trình; trong đó chú trọng ứng dụng GIS/WebGIS, Dashboard, BIM, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, IoT, điện toán đám mây và các giải pháp công nghệ phù hợp nhằm nâng cao chất lượng tham mưu, quản lý, giám sát, dự báo và chỉ đạo điều hành.

đ) Tập trung tham mưu triển khai Đề án Phát triển đô thị thông minh tỉnh Gia Lai, Khung kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh và các giải pháp quản trị dữ liệu đô thị; từng bước tích hợp dữ liệu quy hoạch, hạ tầng, giao thông, đô thị trên nền tảng số, phục vụ công tác quản lý đô thị thông minh, điều hành đô thị và cung cấp thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp.

g) Khuyến khích các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc nghiên cứu, ứng dụng ít nhất một giải pháp công nghệ số hoặc trí tuệ nhân tạo phù hợp trong công tác tham mưu, tổng hợp báo cáo, theo dõi tiến độ nhiệm vụ, quản lý hồ sơ, phân tích dữ liệu, dự báo và hỗ trợ chỉ đạo, điều hành; đồng thời tăng cường áp dụng sáng kiến, giải pháp mới nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả xử lý công việc.

h) Tổ chức quản lý, vận hành, khai thác các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của Sở theo đúng quy định về an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ bí mật nhà nước; thực hiện phân quyền tài khoản, kiểm soát truy cập, sao lưu dữ liệu, phòng ngừa rủi ro, xử lý sự cố và duy trì hệ thống thông tin của Sở đáp ứng yêu cầu an toàn thông tin theo cấp độ được phê duyệt.

k) Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số, kỹ năng khai thác dữ liệu, sử dụng hệ thống thông tin chuyên ngành, dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm an toàn thông tin cho công chức, viên chức, người lao động; đồng thời phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, công chức phụ trách lĩnh vực trong việc quản lý, cập nhật, phê duyệt, khai thác dữ liệu và thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số.

l) Chủ động phối hợp với Bộ Xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ngành, UBND cấp xã, phường và các đơn vị liên quan trong quá trình triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, đánh giá tiến độ, kịp thời tổng hợp khó khăn, vướng mắc, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, tháo gỡ, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu chuyển đổi số giai đoạn 2026–2030.

III. KINH PHÍ: Sử dụng nguồn kinh phí theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc giao dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng Sở và đơn vị trực thuộc Sở có trách nhiệm:

a) Triển khai Kế hoạch này đến toàn thể công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị và tổ chức thực hiện hiệu quả, kịp thời các nhiệm vụ được phân công.

b) Phối hợp với Văn phòng Sở thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao Sở Xây dựng chủ trì tham mưu tại Kế hoạch CCHC tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030 ban

hành kèm theo Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh và nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này.

c) Định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm gửi báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này về Văn phòng Sở để tổng hợp báo cáo.

d) Người đứng đầu các phòng và đơn vị trực thuộc Sở có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc chỉ đạo công chức, viên chức phụ trách thực hiện công tác CCHC của cơ quan chất lượng, hiệu quả.

2. Văn phòng Sở

a) Chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở thực hiện tốt nhiệm vụ CCHC hàng năm; đồng thời tham mưu thực hiện tốt các nội dung Kế hoạch này.

b) Chủ động phối hợp các phòng Sở và đơn vị trực thuộc Sở tổ chức tuyên truyền về công tác CCHC gắn với các lĩnh vực công tác của ngành.

c) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ công tác CCHC đúng thời hạn quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở báo cáo Giám đốc Sở (thông qua Văn phòng Sở) để kịp thời xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. *thor*

Nơi nhận:

- VP.UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Anh Sơn